

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HS-ST  
Ngày 19-7-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bích Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Nghị
2. Ông Tống Xuân Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

**Phạm Văn G**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1990, tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Tiến H, sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo có vợ (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Nhân thân: Ngày 10-4-2008 bị Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi “Cố ý gây thương tích”(đã nộp phạt xong ngày 18-4-2008). Bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ tháng 03/2009 đến tháng 01/2011 xuất ngũ về địa P. Tiền sự: Bị cáo có 02 tiền sự: Ngày 10-8-2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng, ngày 24-9-2019 chấp hành xong; Ngày 30-8-2020 bị UBND xã P, huyện Đông Hưng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng, ngày 30-11-2020 chấp hành xong; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10-3-2021, đến ngày 17-3-2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, được trích xuất - có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn G:* Bà Trần Thị Hà P là trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình.

\* *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Đình P, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn N, xã Thái P, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

\* *Những người làm chứng:*

- Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1962

- Ông Phạm Tiến H, sinh năm 1959

Đều cư trú tại: Thôn T, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (đều có mặt).

- Anh Phạm Đình K, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (vắng mặt)

- Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1964

- Anh Trần Văn T, sinh năm 1982

Đều cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 35 phút ngày 10-3-2021, tại đoạn đường ĐT452 thuộc địa phận thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; tổ công tác Công an huyện Hưng Hà phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn G, sinh ngày 05-10-1990, cư trú tại thôn T, xã P, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy, loại Hêrôin, có khối lượng 0,0318 gam cho Trần Đình P, sinh năm 1992, cư trú tại thôn Dương Khê, xã Thái Hưng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với giá 300.000 đồng. Kiểm tra trên người P thu giữ tại túi quần bên trái phía trước 01 gói trắng kim màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, P khai nhận đó là ma túy, loại Hêrôin vừa mua của G với giá 300.000 đồng. Kiểm tra người G thu giữ tại lòng bàn tay phải số tiền 300.000 đồng (01 tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri QB10367256, số 56 được khoanh tròn bằng mực màu đen, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng có số seri CS10390629, số 29 được khoanh tròn bằng mực màu đen). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong 01 gói ma túy thu của Trần Đình P trước sự chứng kiến của những người làm chứng anh Phạm Đình K, anh Trần Văn T, ông Phạm Xuân H. Ngoài ra, tổ công tác còn quản lý của Trần Đình P 01 điện thoại di động Nokia, bàn phím bấm màu vàng đã cũ; quản lý của Phạm Văn G 01 ví giả da màu đen đã cũ bên trong ví có 01 căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM đều mang tên Phạm Văn G; 01 điện thoại di động Realme C11, có ốp lưng bằng nhựa, màn hình cảm ứng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty màu đỏ đã cũ, BKS 29F1-03214. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Bản kết luận giám định số 80/KLGĐMT- PC09 ngày 12-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Mẫu vật giám định là ma túy, loại Heroin (Hêrôin), có khối lượng 0,0318 gam.

Bản cáo trạng số 75/CT-VKSHH ngày 18-6-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Văn G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn G khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 10-3-2021, bị cáo điều khiển xe mô tô Liberty, BKS 29F1-03214 đi từ nhà ở huyện Đông Hưng đến gặp P ở quán nước cổng bệnh viện đa khoa Hưng Hà để nói chuyện về việc bán xe máy của bị cáo. Trước khi đi bị cáo xin mẹ bị cáo là bà T số tiền 300.000 đồng để đi đường. Đến gần cổng bệnh viện đa khoa Hưng Hà, anh P đi ra gọi bị cáo vào quán nước thì bị lực lượng Công an huyện Hưng Hà kiểm tra, thu giữ trên người anh P 01 gói nhỏ, bị cáo nghe thấy anh P khai nhận đó là ma túy mà bị cáo vừa bán cho anh P. Cơ quan công an thu giữ của bị cáo 01 ví giả da màu đen bên trong ví có 01 căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM đều mang tên bị cáo; 01 điện thoại di động Realme C11, có ốp lưng bằng nhựa, màn hình cảm ứng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty màu đỏ đã cũ, BKS 29F1-03214 và số tiền 300.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) là tiền bị cáo xin của mẹ trước đó. Bị cáo không bán ma túy cho anh P, số ma túy cơ quan Công an thu giữ trên người anh P do đâu mà có bị cáo không biết. Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và 02 bản tự khai của bị cáo, bị cáo khai vào ngày 10-3-2021 là do bị cáo tự khai và viết họ và tên bị cáo vào biên bản nhưng do bị cáo bị đe dọa và bị đánh nên bị cáo mới khai không đúng sự thật. Bị cáo xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa anh Trần Đình P khai: Do có giao dịch từ trước về việc mua ma túy nên anh có hẹn và gặp bị cáo G tại cổng bệnh viện Đa khoa huyện Hưng Hà để bị cáo G mang ma túy bán cho anh. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10-3-2021, anh đến quán nước gần cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Hưng Hà chờ bị cáo G. Anh chờ khoảng 5 đến 10 phút thì bị cáo G đến. Khi thấy bị cáo G anh đứng lên đi ra cửa quán nước, vẫy bị cáo G vào, tại đây bị cáo G đưa cho anh 01 gói giấy trắng kim màu trắng, và nói “Nếu bạn sang bên tôi lấy thì là 200.000 đồng, còn tôi mang sang đây bạn phải trả thêm tiền cho tôi”. Biết đó là gói ma túy (Hêrôin), anh cầm và cất vào túi quần bên trái phía trước đang mặc và lấy 300.000 đồng (01 tờ mệnh giá 200.000 đồng có số seri QB10367256, số 56 được khoanh tròn bằng mực màu đen là tiền mua gói ma túy, 01 tờ mệnh giá 100.000 đồng có số seri CS10390639, số 29 được khoanh tròn bằng mực đen là tiền anh trả công cho bị cáo G) đưa cho bị cáo G. Khi bị cáo G đang cầm số tiền 300.000 đồng trên tay phải thì bị Công an huyện Hưng Hà phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại túi quần bên trái phía trước đang mặc của anh 01 gói giấy trắng

kim màu trắng dạng cục, là ma túy Hêrôin anh vừa mua của bị cáo G; thu giữ tại lòng bàn tay phải của bị cáo G số tiền 300.000 đồng gồm có 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri QB10367256, số 56 được khoanh tròn bằng mực màu đen và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri CS10390639, số 29 được khoanh tròn bằng mực đen. Khi cơ quan công an bắt quả tang anh bị thu 01 chiếc điện thoại di động Nokia, bàn phím bấm màu vàng đã cũ, anh mượn của anh Đ chiếc điện thoại này từ trước đó, anh Đ không biết anh mượn điện thoại dùng để liên lạc ma túy, đề nghị HĐXX trả lại cho anh Đ.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị T và ông Phạm Tiến H khai: Bị cáo G là con trai của ông, bà, bị cáo bị mắc nghiện ma túy từ năm 2014 gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng G vẫn không cai nghiện được. Vào ngày 10-3-2021 ông và bà không cho bị cáo G số tiền nào.

Tại biên bản ghi lời khai, anh Đào Xuân Đ trình bày: Trưa ngày 10-3-2020, anh Trần Đình P (bạn của anh) đến nhà anh hỏi mượn tiền để chi tiêu cá nhân, anh Đ đã cho P mượn số tiền 300.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng). Sau đó, hai người ngồi uống nước, nói chuyện, anh Đ bảo P cho xem số seri của hai tờ tiền trên và dùng lấy bút mực đen khoanh vào hai số cuối của số seri hai tờ tiền đó rồi chụp ảnh lưu lại, mục đích nhớ số để đánh đề. Việc anh P vay tiền của anh, anh P đã trả lại anh 300.000 đồng, anh không có ý kiến gì về số tiền này. Trước ngày 10-3-2021 vài ngày anh cho anh P mượn chiếc điện thoại di động Nokia, bàn phím bấm màu vàng đã cũ để sử dụng, anh không biết anh P mượn để liên lạc mua ma túy, anh đề nghị cho anh được xin lại chiếc điện thoại này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giữ quyền công tố, sau khi phân tích nội dung vụ án, hành vi phạm tội và các tình tiết T nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đại diện Viện kiểm sát khẳng định quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng khoản 1 Điều 251, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn G từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10-3-2021; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu toàn bộ số ma túy thu của bị cáo Phạm Văn G là vật chứng của vụ án, sau khi giám định được niêm phong trong phong bì số 80/KLGĐMT - PC09 ngày 12-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Trả lại bị cáo G 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C11, 01 chiếc ví giả da màu đen đã cũ bên trong có 01 căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn G, 01 thẻ ATM mang tên “PHAM VAN G” và 01 xe máy nhãn hiệu Liberty màu đỏ đã cũ mang BKS

29F1-032.14. Trả lại anh Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm, màu vàng đã cũ. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng thu của bị cáo G. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo, bà Trần Thị Hà P đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của bị cáo.

Anh P không có ý kiến gì tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người làm chứng và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10-3-2021 và tại Cơ quan điều tra, tại các bản tự khai ngày 10-3-2021, bị cáo Phạm Văn G khai nhận: Do có hẹn bán ma túy cho P từ trước nên khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10-3-2021, G điều khiển xe máy Liberty màu đỏ BKS 29F1-03214 đến thị trấn T, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình gặp và mua 01 gói ma túy, Hêrôin (gói trong giấy tráng kim màu trắng) của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi. Sau đó G cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái và điều khiển xe mô tô đến trước cửa quán nước gần cổng bệnh viện đa khoa huyện Hưng Hà để bán cho P. Khi đến trước cửa quán nước, G gặp và đưa cho P 01 gói giấy tráng kim màu trắng, đó là ma túy Hêrôin, P cầm gói ma túy cất vào túi quần bên trái phía trước đang mặc và lấy ra 300.000 đồng (01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) đưa cho G. Khi G vừa cầm tiền P đưa thì bị Công an huyện Hưng Hà bắt quả tang.

Thu giữ tại túi quần bên trái phía trước đang mặc của P 01 gói giấy trắng kim màu trắng, mở kiểm tra bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục P khai nhận là ma túy (Hêrôin) vừa mua của G với giá 200.000 đồng và trả cho G 100.000 đồng tiền công mang ma túy sang huyện Hưng Hà. Lực lượng công an đã gói ma túy lại và niêm P theo quy định. Kiểm tra trên người G lực lượng công an thu giữ tại lòng bàn tay phải số tiền 300.000 đồng gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri QB10367256, có số 56 được khoanh tròn bằng mực màu đen, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri CS10390639 có số 29 được khoanh tròn bằng mực màu đen; số tiền 200.000 đồng là tiền bán ma túy cho P, số tiền 100.000 đồng là tiền công P trả tiền mang ma túy cho bị cáo G.

Tại phiên tòa bị cáo G khai bị cáo không biết số ma túy mà lực lượng công an thu giữ trên người của anh Trần Đình P là của ai, bị cáo không bán ma túy (heroin) cho anh P. Lời khai của bị cáo khai tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và 02 bản tự khai ngày 10-3-2021 là bị cáo khai không đúng sự thật, bị cáo bị đánh nên mới khai. Số tiền mà lực lượng công an thu giữ là số tiền bị cáo xin của mẹ bị cáo trước khi đi từ nhà sang huyện Hưng Hà với mục đích bán xe máy cho anh P chứ không bán ma túy cho anh P, ngoài ra bị cáo không đưa được chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa bố, mẹ bị cáo là bà T và ông Hưng khai ông, bà không cho tiền bị cáo G vào ngày 10 -3-2021. Hơn nữa số tiền mà anh P khai nhận khi mua ma túy anh mượn của anh Đ gồm các tờ mệnh giá như sau: 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số seri QB10367256, có số 56 được khoanh tròn bằng mực màu đen, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số seri CS10390639 có số 29 được khoanh tròn bằng mực màu đen. Vào ngày 10-3-2021, cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà tiến hành lập biên bản kiểm tra dấu vết trên thân thể thể hiện bị cáo hoàn toàn bình thường, không có dấu vết, thương tích gì. Như vậy những chứng cứ này phù hợp với lời khai của bị cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10-3-2-2021 được lập tại trụ sở ban công an xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và phù hợp với các bản tự khai của bị cáo ngày 10-3-2021; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình lập H 17 giờ 35 phút ngày 10-3-2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định số 80/KLGĐMT- PC09 ngày 12-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản tạm giữ 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 02 tờ tiền gồm các mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và bản ảnh kèm theo của Phạm Văn G do Công an huyện lập cùng ngày 10-3-2021 tại Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Biên bản mở, kiểm tra điện thoại của Trần Đình P, Phạm Văn G, anh Đào Xuân Đ và bản ảnh kèm theo do Công an huyện Hưng Hà lập vào các ngày 10 và ngày 11-3-2021 tại Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Lời khai và biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, của

những người làm chứng anh Phạm Đình K, anh Trần Văn T và ông Phạm Xuân H cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: H 15 giờ 35 phút, ngày 10-3-2021 tại đoạn đường ĐT452, thuộc địa phận thôn T, xã M, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Bị cáo Phạm Văn G có hành vi bán trái phép 0,0318 gam ma túy, loại Hêrôin cho anh Trần Đình P. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Mua trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định như sau:

***Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy***

*“ 1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà truy tố bị cáo Phạm Văn G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà bị cáo Phạm Văn G thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hủy hoại sức khỏe của người sử dụng, ảnh hưởng đến giống nòi và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác.

[5] Về các tình tiết T nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền sự. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết T nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ về tác hại của ma túy, về việc Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy nhưng do hám lợi bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần phải tiếp tục cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo bán ma túy có mục đích vụ lợi nhưng bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về nguồn gốc 0,0318 gam ma túy loại Hêrôin, bị cáo Phạm Văn G khai khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10-3-2021, bị cáo gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 35 tuổi (không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể), tại ngã tư thị trấn Tiên Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với giá 200.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được con người cụ thể đã bán ma túy cho bị cáo G nên không có căn cứ xử lý trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Đối với hành vi tàng trữ ma túy của Trần Đình P vào ngày 10-3-2021, P tàng trữ 0,0318 gam (dưới 0,1 gam) ma túy, loại Hê rô in mục đích để sử dụng. Kết quả điều tra xác định Trần Đình P chưa bị xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích nên hành vi của Trần Đình P không cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà ra quyết định xử phạt hành chính đối với Trần Đình P là đúng quy định của pháp luật.

[9] Đối với nguồn gốc số tiền 300.000 đồng thu giữ của Phạm Văn G: qua trình điều tra xác định số tiền này của anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1996, trú tại thôn Nhân Xá, xã Thái P, huyện Hưng Hà cho Trần Đình P vay, sau đó P dùng số tiền này để mua ma túy của bị cáo G. Khi cho P vay tiền, P không nói, anh Đ cũng không biết P dùng số tiền này để mua ma túy. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà không xử lý đối với anh Đào Xuân Đ là có căn cứ.

[10] Đối với số tiền 300.000 đồng anh Đ cho anh P vay, anh Đ đã trả cho anh P, anh Đ không có ý kiến gì khác nên HĐXX không xem xét giải quyết về số tiền này.

[11] Về vật chứng của vụ án: Toàn bộ số ma túy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thu giữ, quản lý của anh Trần Đình P, sau khi giám định, số còn lại được niêm P trong P bì số 80/KLGĐMT -PC09 ngày 12-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc ví giả da màu đen đã cũ bên trong có 01 căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn G, 01 thẻ ATM mang tên “PHAM VAN G”; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C11, có ốp lưng nhựa đã cũ và 01 xe máy nhãn hiệu Liberty, màu đỏ, đã cũ mang BKS 29F1-032.14 là những tài sản hợp pháp của bị cáo G nên cần tuyên trả lại cho bị cáo G. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm, màu vàng đã cũ là tài sản hợp pháp của anh Đ nên cần trả lại cho anh Đ. Đối với số tiền 300.000 đồng thu trên người bị

cáo G, quá trình điều tra xác định là số tiền thu lời bất chính do bán ma túy mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn G thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.  
2. Áp dụng khoản 1 Điều 251; khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn G 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10-3-2021.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ gồm: 0,0131 gam (Không phải không nghìn một trăm ba mươi một gam) mẫu gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Phạm Văn G trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 80/KLGĐMT -PC09 ngày 12-3-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Trả lại bị cáo G 01 chiếc ví giả da màu đen, đã cũ, bên trong có 01 căn cước công dân, 01 thẻ điều trị Methadone, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Văn G; 01 thẻ ATM mang tên “PHAM VAN G”; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme C11, có ốp lưng nhựa đã cũ và 01 xe máy nhãn hiệu Liberty, màu đỏ, đã cũ mang BKS 29F1-032.14. Trả lại anh Đào Xuân Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bàn phím bấm, màu vàng đã cũ. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng (thu của bị cáo G).

Toàn bộ vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18-6-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Phạm Văn G.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn G, anh Trần Đình P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Xuân Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Bích Thủy**

